**Sở Giáo Dục Và Đào Tạo Long An**

**Trường THPT Chu Văn An**

**Tổ: Tiếng Anh, Tin Học, KTPL**

**MA TRẬN, BẢNG ĐẶT TẢ DỀ KIỂM TRA TIN HỌC 11 ( ĐỊNH HƯỚNG ICT)**

1. **Giữa kì 1**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN TIN HỌC, LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề A. Máy tính và xã hội tri thức** | Khái niệm cơ bản về hệ điều hành và phần mềm ứng dụng | 2 |  | 1 |  |  |  |  |  | 15%  (1,5 điểm) |
| Phần mềm nguồn mở, phần mềm chạy trên Internet | 1 |  | 2 |  |  | 1 |  |  | 25%  (2,5 điểm) |
| Những bộ phận chính bên trong máy tính | 2 |  | 1 |  |  | 1 |  |  | 25%  (2,5 điểm) |
| Chức năng và hoạt động của những thiết bị ngoại vi và thiết bị số thông dụng | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | 10%  (1,25 điểm) |
| **2** | **Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin** | Lưu trữ chia sẽ tập tin trên internet | 2 |  | 1 |  |  |  |  | 1 (TL) | 25%  (2,5 điểm) |
| ***Tổng*** | | | ***8*** |  | ***6*** |  |  | ***2*** |  | ***1*** |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | | **100%** |

**ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1**

**MÔN TIN HỌC, LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Chủ đề A. Máy tính và xã hội tri thức** | Khái niệm cơ bản về hệ điều hành và phần mềm ứng dụng | **Nhận biết**  – Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển của hai hệ điều hành thông dụng cho PC, một hệ điều hành là phần mềm thương mại và hệ điều hành còn lại là phần mềm nguồn mở. Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một trong hai hệ điều hành đó.  – Trình bày được vài nét chính về một hệ điều hành thông dụng cho thiết bị di động và sử dụng được một số tiện ích cơ bản của hệ điều hành đó.  **Thông hiểu**  – Trình bày được một cách khái quát mối quan hệ giữa phần cứng, hệ điều hành và phần mềm ứng dụng. Trình bày được vai trò riêng của mỗi thành phần trong hoạt động chung của cả hệ thống. | 2(TN) | 1 (TN) |  |  |
| Phần mềm nguồn mở, phần mềm chạy trên Internet | **Nhận biết**  – Sử dụng được một số tiện ích có sẵn của hệ điều hành để nâng cao hiệu suất sử dụng máy tính.  – Nêu được tên một số phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm bảng tínhvà phần mềm trình chiếu nguồn mở, chẳng hạn Writer, Calc và Impress trong bộ OpenOffice.  **Thông hiểu**  – Trình bày được một số khái niệm có liên quan tới phần mềm nguồn mở: bản quyền phần mềm, giấy phép công cộng, phần mềm miễn phí. So sánh được phần mềm nguồn mở với phần mềm thương mại (nguồn đóng).Nêu được vai trò của phần mềm nguồn mở và phần mềm thương mại đối với sự phát triển của ICT.  – Kích hoạt được một vài chức năng cơ bản của một phần mềm soạn thảo văn bản, một phần mềm bảng tính và một phần mềm trình chiếu chạy trên Internet. Ví dụ các phần mềm trong gói Google Docs.  **Van dụng**  – Sử dụng được một vài chức năng cơ bản của một phần mềm soạn thảo văn bản, một phần mềm bảng tính và một phần mềm trình chiếu chạy trên Internet. Ví dụ các phần mềm trong gói Google Docs. | 1 (TN) | 2 (TN) | 1(TL) |  |
| Những bộ phận chính bên trong máy tính | **Nhận biết**  – Nhận diện được hình dạng của các bộ phận chính bên trong thân máy tính như CPU, RAM và các thiết bị lưu trữ.  – Mô tả được chức năng của các bộ phận chính bên trong thân máy tính như CPU, RAM và các thiết bị lưu trữ.  – Nêu được tên được đơn vị đo hiệu năng của chúng như GHz, GB,...  – Nhận biết được sơ đồ của các mạch logic AND, OR, NOT  **Thông hiểu**  – Giải thích được đơn vị đo hiệu năng của chúng như GHz, GB,...  – Giải thích được vai trò của các mạch logic đó trong thực hiện các tính toán nhị phân.  **Van dụng**  – Tuỳ chỉnh được một vài chức năng cơ bản của máy tính và các thiết bị vào – ra thông dụng để phù hợp với nhu cầu sử dụng và đạt hiệu quả tốt hơn. | 2 (TN) | 1 (TN) | 1(TL) |  |
| Chức năng và hoạt động của những thiết bị ngoại vi và thiết bị số thông dụng | **Nhận biết**  – Biết được các bộ phận thân máy, bàn phím, chuột, màn hình của máy tính với nhau.  **Thông hiểu**  – Biết được cách kết nối các bộ phận thân máy, bàn phím, chuột, màn hình của máy tính với nhau.  – Đọc hiểu được một số điểm chính trong tài liệu hướng dẫn về thiết bị số thông dụng.  – Đọc hiểu được một số thông số cơ bản như kích thước màn hình, CPU, RAM, dung lượng lưu trữ, độ phân giải camera,... của các thiết bị số thông dụng.Ví dụ: PC, máy tính bảng, điện thoại thông minh, tivi có khả năng kết nối Internet,...  – Giải thích được một số thông số cơ bản như kích thước màn hình, CPU, RAM, dung lượng lưu trữ, độ phân giải camera,... của các thiết bị số thông dụng.Ví dụ: PC, máy tính bảng, điện thoại thông minh, tivi có khả năng kết nối Internet,...  **Van dụng**  – Thực hiện được một số những chỉ dẫn trong tài liệu đó.  – Biết được cách kết nối PC với các thiết bị số thông dụng như máy in, điện thoại thông minh, máy ảnh số,... | 1 (TN) | 1(TN) |  |  |
| **2** | **Chủ đề 2**  **C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin** | Lưu trữ chia sẽ tập tin trên internet | **Nhận biết**  – Liệt kê được các loại email.  **Thông hiểu**  – Biết cách phân loại và đánh dấu các email.  **Van dụng**  – Sử dụng được một số công cụ trực tuyến như Google Driver hay Dropbox,... để lưu trữ và chia sẻ tệp tin.  – Sử dụng được máy tìm kiếm, chẳng hạn máy tìm kiếm của Google, Yahoo, Bing,... trên PC và thiết bị số thông minh để tìm kiếm thông tin bằng cách gõ từ khoá hoặc bằng tiếng nói.  – Xác lập được các lựa chọn theo tiêu chí tìm kiếm để nâng cao hiệu quả tìm kiếm thông tin.  **Van dụng cao**  – Sử dụng được những chức năng nâng cao của dịch vụ mạng xã hội. | 2 (TN) | 1 (TN) |  | 1(TL) |
| ***Tổng*** | | |  | ***8 (TN)*** | ***6 (TN)*** | ***2 (TL)*** | ***1 (TL)*** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***40%*** | ***30%*** | ***20%*** | ***10%*** |
| ***Tỉ lệ chung*** | | |  | ***70%*** | | ***30%*** | |

***Lưu ý:***

– Các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao có thể ra vào một trong các đơn vị kiến thức.

– Với các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận (lý thuyết/thực hành).

1. **Cuối kì 1**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN TIN HỌC, LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Chủ đề A. Máy tính và xã hội tri thức** | 1. Khái niệm cơ bản về hệ điều hành và phần mềm ứng dụng | 1 |  | 0 |  |  |  |  |  | 5%  (0.5 điểm) |
| 2. Phần mềm nguồn mở, phần mềm chạy trên Internet | 1 |  | 0 |  |  |  |  |  | 5%  (1điểm) |
| 3. Những bộ phận chính bên trong máy tính | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | 10%  (1 điểm) |
| 4. Chức năng và hoạt động của những thiết bị ngoại vi và thiết bị số thông dụng | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | 10%  (1 điểm) |
| **2** | **Chủ đề**  **C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin** | Lưu trữ chia sẽ tập tin trên internet | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | 10%  (1 điểm) |
| **3** | **Chủ đề D. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số** | Giao tiếp an toàn trên internet | 1 |  | 1 |  |  | 1 |  |  | 20%  (2 điểm) |
| **4** | **Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính** | Cơ sở dữ liệu quan hệ | 1 |  | 1 |  |  | 1 |  |  | 20%  (2 điểm) |
| SQL- Ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc  Bảo mật và an toàn hệ CSDL | 1 |  | 1 |  |  |  |  | 1 | 20%  (2 điểm) |
| ***Tổng*** | | | ***8*** |  | ***6*** |  |  | ***2*** |  | ***1*** |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | | **100%** |

* 1. **Đặc tả đề kiểm tra cuối học kì I**

**ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1**

**MÔN TIN HỌC, LỚP 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Chủ đề**  **A. Máy tính và xã hội tri thức** | 1. Khái niệm cơ bản về hệ điều hành và phần mềm ứng dụng | **Nhận biết**  – Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển của hai hệ điều hành thông dụng cho PC, một hệ điều hành là phần mềm thương mại và hệ điều hành còn lại là phần mềm nguồn mở. Sử dụng được một số chức năng cơ bản của một trong hai hệ điều hành đó.  – Trình bày được vài nét chính về một hệ điều hành thông dụng cho thiết bị di động và sử dụng được một số tiện ích cơ bản của hệ điều hành đó.  **Thông hiểu**  – Trình bày được một cách khái quát mối quan hệ giữa phần cứng, hệ điều hành và phần mềm ứng dụng. Trình bày được vai trò riêng của mỗi thành phần trong hoạt động chung của cả hệ thống. | 1(TN) |  |  |  |
| 2. Phần mềm nguồn mở, phần mềm chạy trên Internet | **Nhận biết**  – Sử dụng được một số tiện ích có sẵn của hệ điều hành để nâng cao hiệu suất sử dụng máy tính.  – Nêu được tên một số phần mềm soạn thảo văn bản, phần mềm bảng tính và phần mềm trình chiếu nguồn mở, chẳng hạn Writer, Calc và Impress trong bộ OpenOffice.  **Thông hiểu**  – Trình bày được một số khái niệm có liên quan tới phần mềm nguồn mở: bản quyền phần mềm, giấy phép công cộng, phần mềm miễn phí. So sánh được phần mềm nguồn mở với phần mềm thương mại (nguồn đóng). Nêu được vai trò của phần mềm nguồn mở và phần mềm thương mại đối với sự phát triển của ICT.  – Kích hoạt được một vài chức năng cơ bản của một phần mềm soạn thảo văn bản, một phần mềm bảng tính và một phần mềm trình chiếu chạy trên Internet. Ví dụ các phần mềm trong gói Google Docs.  **Van dụng**  – Sử dụng được một vài chức năng cơ bản của một phần mềm soạn thảo văn bản, một phần mềm bảng tính và một phần mềm trình chiếu chạy trên Internet. Ví dụ các phần mềm trong gói Google Docs. | 1 (TN) |  |  |  |
| 3. Những bộ phận chính bên trong máy tính | **Nhận biết**  – Nhận diện được hình dạng của các bộ phận chính bên trong thân máy tính như CPU, RAM và các thiết bị lưu trữ.  – Mô tả được chức năng của các bộ phận chính bên trong thân máy tính như CPU, RAM và các thiết bị lưu trữ.  – Nêu được tên được đơn vị đo hiệu năng của chúng như GHz, GB,...  – Nhận biết được sơ đồ của các mạch logic AND, OR, NOT  **Thông hiểu**  – Giải thích được đơn vị đo hiệu năng của chúng như GHz, GB,...  – Giải thích được vai trò của các mạch logic đó trong thực hiện các tính toán nhị phân.  **Van dụng**  – Tuỳ chỉnh được một vài chức năng cơ bản của máy tính và các thiết bị vào – ra thông dụng để phù hợp với nhu cầu sử dụng và đạt hiệu quả tốt hơn. | 1 (TN) | 1 (TN) |  |  |
| 4. Chức năng và hoạt động của những thiết bị ngoại vi và thiết bị số thông dụng | **Nhận biết**  – Biết được các bộ phận thân máy, bàn phím, chuột, màn hình của máy tính với nhau.  **Thông hiểu**  – Biết được cách kết nối các bộ phận thân máy, bàn phím, chuột, màn hình của máy tính với nhau.  – Đọc hiểu được một số điểm chính trong tài liệu hướng dẫn về thiết bị số thông dụng.  – Đọc hiểu được một số thông số cơ bản như kích thước màn hình, CPU, RAM, dung lượng lưu trữ, độ phân giải camera,... của các thiết bị số thông dụng.Ví dụ: PC, máy tính bảng, điện thoại thông minh, tivi có khả năng kết nối Internet,...  – Giải thích được một số thông số cơ bản như kích thước màn hình, CPU, RAM, dung lượng lưu trữ, độ phân giải camera,... của các thiết bị số thông dụng.Ví dụ: PC, máy tính bảng, điện thoại thông minh, tivi có khả năng kết nối Internet,...  **Van dụng**  – Thực hiện được một số những chỉ dẫn trong tài liệu đó.  – Biết được cách kết nối PC với các thiết bị số thông dụng như máy in, điện thoại thông minh, máy ảnh số,... | 1(TN) | 1 (TN) |  |  |
| **2** | **Chủ đề C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin** | Lưu trữ chia sẽ tập tin trên internet | **Nhận biết**  – Liệt kê được các loại email.  **Thông hiểu**  – Biết cách phân loại và đánh dấu các email.  **Van dụng**  – Sử dụng được một số công cụ trực tuyến như Google Driver hay Dropbox,... để lưu trữ và chia sẻ tệp tin.  – Sử dụng được máy tìm kiếm, chẳng hạn máy tìm kiếm của Google, Yahoo, Bing,... trên PC và thiết bị số thông minh để tìm kiếm thông tin bằng cách gõ từ khoá hoặc bằng tiếng nói.  – Xác lập được các lựa chọn theo tiêu chí tìm kiếm để nâng cao hiệu quả tìm kiếm thông tin.  **Van dụng cao**  – Sử dụng được những chức năng nâng cao của dịch vụ mạng xã hội. | 1 (TN) | 1 (TN) |  |  |
| **3** | **Chủ đề D. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số** | Giao tiếp an toàn trên internet | **Nhận biết**  – Nêu được một số dạng lừa đảo phổ biến trên mạng.  – Nêu được/liệt kê được một số biện pháp phòng tránh dạng lừa đảo phổ biến trên mạng.  **Van dụng**  – Giao tiếp được trên mạng qua email, chat, mạng xã hội,... và trong môi trường số một cách văn minh, phù hợp với các quy tắc và văn hoá ứng xử. | 1 (TN) | 1 (TN) | 1 (TL) |  |
| **4** | **Chủ đề F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính** | .Cơ sở dữ liệu quan hệ | **Nhận biết**  – Nhận biết được đặc điểm của bảng, khóa, khóa ngoài  – Nhận biết được ràng buộc khóa chính và ràng buộc khóa ngoài  **Thông hiểu**  – Giải thích được vì sao chọn một trường (hay một tập hợp trường) làm khóa trong một tình huống cụ thể  – Giải thích được vì sao một trường được xác định là một khóa ngoài của bảng (đối với một bảng khác) trong một tình huống cụ thể  **Vận dụng**  – Xác định được khóa chính, khóa ngoài, ràng buộc khóa chính, ràng buộc khóa ngoài trong tình huống cụ thể | 1 (TN) | 1 (TN) |  |  |
| - SQL ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc  - Bảo mật và an toàn hệ CSDL | **Nhận biết**  – Nhận biết được lợi ích của ngôn ngữ truy vấn  – Nhận biết được biện pháp an toàn và bảo mật thông tin cho cơ sở dữ liệu.  **Thông hiểu**  – Hiểu được các câu truy vấn CSDL kiểu dử liệu trong tạo lập CSDL  **Vận dụng**  – Viết được câu truy vấn SQL đơn giản (trên một bảng) để trả lời câu hỏi cần đến dữ liệu trong CSDL  –Van **dụng cao**  –– Viết được câu truy vấn SQL có dùng liên kết 2 bảng | 1(TN) | 1 (TN) | 1( TL) | 1 (TL) |
| ***Tổng*** | | | | ***8 (TN)*** | ***6 (TN)*** | ***2 (TL)*** | ***1 (TL)*** |
| ***Tỉ lệ %*** | | | | ***40%*** | ***30%*** | ***20%*** | ***10%*** |
| ***Tỉ lệ chung*** | | | | ***70%*** | | ***30%*** | |

***Lưu ý:***

– Các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao có thể ra vào một trong các đơn vị kiến thức.

– Với các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận (lý thuyết/thực hành).

**Cần Đước, ngày 20 tháng 9 năm 2024**

**BGH Duyệt Tổ Trưởng Chuyên Môn**